

Bản án số: 808/2018/DS-PT
Ngày 05-9-2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Thẩm phán: Bà Quách Thanh Bình;
Bà Trần Thị Lệ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 3 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3680/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Nhứt M, sinh năm 1987; cư trú tại: Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ánh N, địa chỉ: Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 5 năm 2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hữu A, sinh năm 1957; cư trú tại: Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1, sinh năm 1959;

Cư trú tại: Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- NLQ2, sinh năm 1985;

Cư trú tại: Đường Q, Phường R, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn – ông Huỳnh Hữu A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 25/9/2017, lời khai của nguyên đơn – ông Mai Nhựt M thì:

Bà Mai Thị X (chết năm 2002) có 03 người con là: ông Vũ Trí M, ông Huỳnh Hữu A và ông Mai Đức C. Ông Vũ Trí M (chết năm 2008) và bà Huỳnh Thị S có 01 người con là: NLQ2 (ông Vũ Trí M và bà S ly hôn năm 1990). Năm 1997, ông Vũ Trí M kết hôn với NLQ1 và không có con chung; Ông Mai Đức C (chết năm 2010) và bà Lê Thị Ánh N có 01 người con là: Ông Mai Nhựt M (ông C và bà N ly hôn năm 2009); Cha mẹ ruột của bà X là ông Mai Đức L (chết năm 1999) và bà Lê Thị N (chết năm 1963). Trước khi chết, bà X có chung sống với ông Vũ Đình N (từ năm 1956 đến năm 1957) và ông Huỳnh Hữu N (năm 1957) nhưng không đăng ký kết hôn. Bà X để lại di sản thừa kế là căn nhà Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng diện tích sử dụng là $80.8m^2$, diện tích xây dựng $40.8m^2$ và quyền sử dụng đất diện tích $40.8m^2$, thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 6634/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/3/2002). Ngày 24/10/2012, ông Mai Nhựt M, NLQ1 và NLQ2 đã ủy quyền cho ông Huỳnh Hữu A làm thủ tục cấp lại toàn bộ giấy tờ đối với nhà và quyền sử dụng đất nêu trên để tiến hành khai nhận di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, ông A vẫn kéo dài thời gian, không thực hiện công việc ủy quyền. Ông Mai Nhựt M tự định giá đối với nhà đất nêu trên là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng). Do bà X không để lại di chúc nên ông Mai Nhựt M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà và quyền sử dụng đất nêu trên.

Theo lời khai của bị đơn – ông Huỳnh Hữu A thì:

Bà Mai Thị X (chết năm 2002), có 03 người con như nguyên đơn trình bày. Cha mẹ ruột của bà X là ông Mai Đức L (chết năm 1999) và bà Lê Thị N (chết năm 1963). Trước khi chết, bà X có chung sống với ông Vũ Đình N (từ năm 1956 đến năm 1957) và ông Huỳnh Hữu N (năm 1957), không có đăng ký kết hôn. Bà X để lại di sản thừa kế là căn nhà và quyền sử dụng đất tại Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, có tổng diện tích sử dụng là $80.8m^2$, diện tích xây dựng $40.8m^2$, thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 24 (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 6634/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/3/2002). Ông A thống nhất với nguyên đơn, tự định giá đối với nhà đất nêu trên là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng). Do bà X không để lại di chúc, các đồng thừa kế cũng không có văn bản khai nhận di sản thừa kế và ông Mai Nhựt M không thuộc trường hợp

thừa kế thế vị nên không có quyền khởi kiện. Do đó, ông A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ1, NLQ2 thì các ông bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn – ông Mai Nhật M.

Theo Tờ tường trình về nguồn gốc căn nhà đề ngày 20/01/2002 của bà Mai Thị X, bà X xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà ở, đất ở: Căn nhà và quyền sử dụng đất Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà X, do bà X mua của ông Trần Văn A từ ngày 12/9/1951, đến năm 1963 bà đã xây dựng lại căn nhà: tường gỗ, gác gỗ, mái tôn. Từ lúc mua đến khi làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, không có ai tranh chấp hay khiếu nại đối với căn nhà nêu trên.

Theo Biên bản định giá ngày 16/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản thì “Do các bên đương sự thống nhất với nhau về giá trị nhà và đất tại số Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là 5 tỷ đồng nên Hội đồng định giá thống nhất không tiến hành định giá”.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận 3 quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Nhật M.

1.1. Xác định căn nhà Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế do bà Mai Thị X chết để lại.

1.2. Chia di sản thừa kế là căn nhà Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh do các bên tự định giá là 5.000.000.000 đồng cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ như sau:

- Ông Huỳnh Hữu A được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị căn nhà tương đương $\frac{1}{3} \times 5.000.000.000$ đồng = 1.666.666.667 đồng.

- Ông Mai Nhật M được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị căn nhà tương đương $\frac{1}{3} \times 5.000.000.000$ đồng = 1.666.666.667 đồng.

- NLQ1 được hưởng $\frac{1}{6}$ giá trị căn nhà tương đương $\frac{1}{6} \times 5.000.000.000$ đồng = 833.333.333 đồng.

- NLQ2 được hưởng $\frac{1}{6}$ giá trị căn nhà tương đương $\frac{1}{6} \times 5.000.000.000$ đồng = 833.333.333 đồng.

Các đồng thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà và đất tại Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc phân chia di sản thừa kế theo giá trị tài sản mỗi người được hưởng như trên. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mai Nhật M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.000.000 đồng nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2017/0019471 ngày 11/10/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận P. Ông Mai Nhựt M còn phải nộp số tiền án phí là 48.000.000 đồng.

Ông Huỳnh Hữu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.000.000 đồng.

Ông NLQ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.000.000 đồng.

Bà NLQ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.000.000 đồng”.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định quyền yêu cầu thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/02/2018, bị đơn – ông Huỳnh Hữu A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thứ tự về các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và yêu cầu xem xét phân chia lại di sản thừa kế do đã bỏ sót hàng thừa kế thứ nhất là chồng của bà X – ông Huỳnh Hữu N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – ông Huỳnh Hữu A trình bày:

Ông không đồng ý với bản án sơ thẩm vì Ông thuộc hàng thừa kế thứ nhất vẫn còn sống, ông Mai Nhựt M và NLQ2 thuộc hàng thừa kế thứ hai chỉ được quyền hưởng thừa kế sau khi Ông không còn sống.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Lê Thị Ánh N trình bày: Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn – ông Huỳnh Hữu A trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ và các con ông A là những người đang cư trú tại nhà đất được chia thừa kế vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và không đảm bảo cho việc thi hành án, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 3 xét xử sơ thẩm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân

Quận 3 và xác nhận thống nhất của các bên đương sự thì tại căn nhà đang tranh chấp Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài nguyên đơn – ông Mai Nhật M, bị đơn – ông Huỳnh Hữu A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ2, thì còn có những người khác đang cư trú tại căn nhà nêu trên, gồm: Vợ của ông A – bà Đàm Thị Thanh X; các con của ông A – Huỳnh Hữu T1, Huỳnh Hữu T2, Huỳnh Thị Thanh P.

Bà X có ý kiến không đồng ý với bản án sơ thẩm vì gia đình Bà không có chỗ ở nào khác, ngoài nhà đất nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế nhà đất nêu trên và quyết định các đồng thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất nêu trên để thực hiện việc chia di sản thừa kế nhưng không đưa những người đang cư trú tại nhà đất nêu trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và không bảo đảm việc thi hành án.

Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ vào Khoản 3, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên ông A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3, Điều 148; Khoản 3, Điều 308; Khoản 2, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 3, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Hữu A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Hữu A số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0020344 ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận P;
- Các đương sự (05);
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (TM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh